

# ĐẶC TRƯNG NGÔN NGỮ TIỂU THUYẾT VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI (QUA TRƯỜNG HỢP HỒ ANH THÁI)

BÙI THANH TRUYỀN\*

LÊ BIÊN THÙY\*\*

1. Ngôn ngữ là phương diện hình thức mang đậm dấu ấn phong cách của từng thể loại văn học, là một "khí áp biểu" nhạy cảm với những thay đổi của thực tại khách quan. Hiện thực xã hội phồn tạp và biến đổi nhanh chóng sau năm 1986 - nơi mỗi con người là những cá thể riêng biệt với tất cả sự "đa đoan", "đa sự", nơi cuộc tranh chấp giữa hai phần sáng - tối, thiện - ác không ngừng tiếp diễn đòi hỏi một thứ nhãn quan ngôn ngữ mới. Phục sinh, làm mới vốn ngôn ngữ truyền thống, khai sinh một "tông" ngôn ngữ mới để tác phẩm bắt nhịp với những biến chuyển cả bề rộng lẫn bề sâu, cả chất và lượng của đời sống là một nỗ lực nghiêm túc, đầy tinh thần trách nhiệm với nghệ thuật, với bản thân và cộng đồng của người viết. Hồ Anh Thái là một trong những cây bút đi đầu trong việc quán triệt và cụ thể hóa quan điểm này. Gần 30 năm lao động cật lực, cùng vốn từ tiếng Việt phong phú, đa dạng, kiến thức, tài năng, tâm huyết với cõi người, cõi nghề, sự dụng công và khát khe, nhạy cảm trong sử dụng, tổ chức chất liệu văn học, văn sĩ họ Hồ đã tạo ra những "ma trận" ngôn từ cuốn hút. Chính những cố gắng để "luyện đan" ngôn ngữ văn xuôi nói chung, tiểu thuyết nói riêng đã góp phần đem lại thành công cho tác giả, khẳng định được vị thế trên văn đàn đương đại.

2. Điềm qua gia tài văn học của Hồ Anh Thái, có thể thấy anh là một trong không nhiều nhà văn tạo được thành công trong cuộc chạy tiếp sức qua hai thế kỉ. Cho đến nay, giới nghiên cứu tiếp cận sáng tác của người "phu chữ" này trên nhiều góc độ như: hệ thống đề tài, chủ đề, nhân vật và thi pháp biểu hiện. Nhưng theo chúng tôi, điều làm cho văn anh không

---

\* TS. Trường Đại học Sư phạm Huế

\*\* Trường Đại học Phú Xuân

thể lẫn với bất kì ai chính là thứ ngôn ngữ anh hùng, khẩu khí, giọng điệu được anh lựa chọn, tái cấu trúc thành một “gam” riêng - một sự co rút tối đa về dung lượng con chữ, sự nén chặt về hiện thực đời sống. Trong đó, ngôn ngữ đời thường, ngôn ngữ giàu chất thơ và ngôn ngữ mới lạ về giọng điệu là những động hình tiêu biểu, góp phần quan trọng tạo nên vị thế Hồ Anh Thái nói riêng, tiểu thuyết đương đại nói chung.

### *2.1. Ngôn ngữ đời thường và tính chất phi quan phương, phi hoàn kết của tiểu thuyết đương đại*

Chịu sự tác động cũng như chủ động tiếp nguồn từ cuộc sống, chất liệu của văn học hơn hai mươi năm qua không thể giữ nguyên hình hài cũ là điều hợp quy luật. Nếu cái nhìn đậm chất sử thi ở giai đoạn trước đã tìm tới một ngôn ngữ trữ tình, giàu chất thơ thì cảm hứng thế sự trong văn học giai đoạn này lại đòi hỏi một thứ ngôn ngữ gần gũi hơn, làm góc nhiều cạnh hơn. Có nhiều điều kiện thuận lợi để tự do mới quan niệm văn học, trong tác phẩm của Hồ Anh Thái, khoảng cách sử thi bị xoá bỏ tối đa để hướng đến miêu tả hiện thực như nó vốn có, hơn thế, một hiện thực được tăng cường chiều kích ở bề sâu và bề sau. Mong muốn miêu tả cuộc đời và con người trong “bản lai diện mục”, khát vọng diễn đạt chân thật đời sống nhiều chiều hôm nay là những động lực thúc đẩy người viết tìm ra một phong cách ngôn ngữ mới. Điều này thể hiện khá rõ trong hai tập truyện ngắn *Tự sự 265 ngày, Sắp đặt và diễn*, tập tiểu luận *Hướng nào Hà Nội cũng sông*, và tăng lên gấp bội trong nhiều tiểu thuyết: *Người đàn bà trên đảo, Cõi người rung chuông tận thế, Mười lẻ một đêm, Đức Phật, Nàng Savitri và tôi...*

Điêm qua các tiểu thuyết gần đây của Hồ Anh Thái, sẽ không vô đoán khi cho rằng tác giả là người ưa sử dụng lời ăn tiếng nói bình dân hơn những lời nói quyền uy, cao đạo. Sở nguyện này thông lối để phương ngữ, khẩu ngữ, tiếng lóng, những ngôn từ đặc trưng của xã hội hiện đại cùng ủa vào tác phẩm, thu hẹp khoảng cách giữa truyện kể và những “chuyện” của đời thực. Có lẽ, chưa bao giờ ngôn ngữ đường phố, chợ búa, những câu nói tục, chửi thề được đưa vào văn học nhiều đến thế. Khá nhiều người đọc truyền thống không khỏi bị sốc hoặc ngỡ ngàng khi đọc những đoạn văn kiểu như: “Thằng Phũ dí cái vật dính dấp trên ngón tay vào mặt cô Ti. Đây là bong bóng cá mè, định lừa bố mày à, bố mày đi làm một quả để thi cuối năm cho son mà mày dám đưa sọt thúng, lòi ngay con khác ra đên đi, không có à, vậy chạy ngay ra đường mà săn bò lặc, các bố mày chờ”<sup>1</sup>.

Văn học là tấm gương cho cuộc sống soi mình và tiểu thuyết là nơi hội tụ muôn ngàn hiện trạng xã hội. Lương tâm của một người luôn đau đáu

<sup>1</sup> Hồ Anh Thái (2004). *Cõi người rung chuông tận thế*, Nxb. Đà Nẵng.

trước những mặt trái của "cõi người" không cho phép nhà văn "mông má" hiện thực, làm nó đẹp lung linh với lớp vỏ giả tạo trong khi ruột đã mục rỗng. Anh cũng không bê nguyên xi thực trạng rườm rà vào trang viết mà tinh chế lại qua "lưới lọc" ngôn ngữ của mình, nhờ vậy thể giới đa chiều của xã hội mới được nhìn nhận một cách điển hình và khái quát hơn. Ngôn ngữ táo bạo, sặc mùi hưởng thụ khi nói tới ba thanh niên Bóp, Phũ, Cốc trong *Cõi người rung chuông tận thế* làm ta không khỏi kinh hoàng trước một lớp trẻ đang xuống dốc không phanh về đạo đức. Đây là ba biên tượng khác nhau của một cái ác hiện đại và tinh vi. Cái kiêu nói "xác xược" của lớp trẻ giờ không còn quá lạ tai. Nó đã trở thành một phương tiện để tác giả phê phán một mảng xã hội bộn bề, rối ren, đảo lộn mọi luân thường đạo lý. Nghĩa là một cách "dĩ độc trị độc" theo nguyên tắc: "Đời bây giờ phải dùng những lời thật thô, thật độc mới điếm trúng huyết của nó được. Mà mẹ là trò trẻ con"<sup>2</sup>.

Sự bùng nổ thông tin đã tác động đến ngôn ngữ đời sống và cũng để lại dấu ấn khá rõ nét trong tiêu thuyết của Hồ Anh Thái. Nhiều lớp từ mới xuất hiện cho thấy sự nhanh nhạy của nhà văn trong việc theo dõi chiều hướng vận động của ngôn từ nghệ thuật. Lớp ngôn ngữ đặc trưng của thời đại kĩ thuật số, công nghệ thông tin, các khái niệm kinh tế, tiền tệ, những từ ngữ vốn chỉ mới xuất hiện gần đây đã đường hoàng chiếm chỗ trong truyện: cave (gái làm tiên), VIP (nhân vật quan trọng), ôsin (người giúp việc), sếp (cấp trên), gay, đồng cô (người đồng tính), choice (thuốc tránh thai), ok (bao cao su), sex (giới tính, làm tình) vv... Tiếng nước ngoài nguyên dạng cũng xuất hiện với tần số cao: Gang of four, Good bye, Bupffe, The Apocalypse, Land Cruiser, Let bygones be bygones... Ngôn ngữ thời đại a cộng (@), mang đậm tính thời sự được sử dụng như những phương tiện biểu đạt mới. Hệ thống ngôn từ này sẽ thay thế cho rất nhiều lời diễn giải và liên tưởng, dẫn bạn đọc tới hiện trạng xô bồ, hỗn tạp, ăn xối ở thì: "Rồi sẽ tới lúc người ta không hình dung nổi chuyện những năm đầu thập niên thứ chín của thế kỉ hai mươi có một lũ thanh niên choai choai phóng xe máy như mất trí trên đường phố hẹp đủ mọi thành phần xe cộ. Đường hẹp thì mặc đường hẹp, đây là thời đại của tốc độ. Ăn uống thì đủ mọi thứ ăn liền, học hành và công việc đều có lối đi tắt, vui chơi giải trí đều có thứ tàu nhanh, yêu thì cũng là thứ tình yêu tốc độ, đã được đảm bảo bằng tự do cá nhân và bao cao su Ok Nhà vô địch cùng thuốc tránh thai Choice. Chỉ còn mỗi phương tiện giao thông công cộng là chậm và thiếu"<sup>3</sup>.

<sup>2</sup> Hồ Anh Thái (2005). *Người và xe chạy dưới ánh trăng*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.

<sup>3</sup> Hồ Anh Thái (2004). *Cõi người rung chuông tận thế*, Nxb. Đà Nẵng.

Điều đáng chú ý là, dấu cập nhật, giàu tính thời sự như thế, nhưng tiểu thuyết Hồ Anh Thái vẫn hiện diện một khối lượng lớn thành ngữ, tục ngữ. Theo khảo sát của chúng tôi, nhà văn đã sử dụng 17 câu thành ngữ, tục ngữ trong *Cõi người rung chuông tận thế*, 16 câu trong *Mười lẻ một đêm*, 20 câu trong *Người và xe chạy dưới ánh trăng*, *Trông sương hồng hiện ra* là 11 câu. Chúng xuất hiện trong rất nhiều văn cảnh và thường được trích dẫn nguyên văn: Chết trẻ khỏe ma, buồn phấn bán hương, thân nhau lắm cắn nhau đau, lên voi xuống chó, mèo mả gà đồng, gậy ông đập lưng ông, đầu tắt mặt tối, thầy bói nói mò, trai mỏng một gái hôm rằm, nhà rách vách nát v.v... Cách dùng lời ăn tiếng nói của dân gian làm cho câu văn ngắn, gọn, súc tích mà giá trị trần thuật lại nhân lên rất nhiều.

Khẩu ngữ là một nhân tố quan trọng làm gia tăng chất tiểu thuyết của văn xuôi sau 1986. Các gương mặt tiểu thuyết tiêu biểu những năm gần đây luôn đặt mình vào thể ít nhiều đối lập với ngôn ngữ thi ca, sử thi. Hồ Anh Thái cũng là người có duyên, có tài và có sự dụng công trong tiếp biến hệ thống lời ăn tiếng nói đời thường để tạo nét riêng và sức ám gợi cho trang viết. Điều này khiến sáng tác của tác giả đôi lúc giống như một “hình tượng ngôn ngữ giễu nhại” với sự tổng hòa nhiều sắc độ: lúc suồng sã, thân mật, lúc hoài niệm, triết lí, lúc bậm trợn, chao chát, lúc cợt nhả, chơ búa...

Có một thời, những giá trị trong văn học không còn giữ nguyên nghĩa gốc, thật giả cứ lẫn lộn trong một tâm vãi điều, rồi tồn tại như những tín hiệu điều kiện cố. Không chấp nhận sự “lờ lờ nước hên”, trong khi khẳng định cá tính sáng tạo, Hồ Anh Thái đã “công khai chống lại các thứ quy tắc bảo thủ, lối thói, các quy phạm, thói trịnh trọng, cứng đờ, tính giáo huấn của quan hệ xã giao nhiều đạo đức giả, lối gửi thư khúm núm những hứ ký... Tóm lại là những gì trói buộc cá tính”<sup>4</sup>. Chấp nhận sự đơn lẻ, thua thiệt của người hát “solo”, anh tuyên chiến với những quy tắc bảo thủ, thói kinh viện của văn chương cũ bằng cách lật tẩy, phơi trần cái lố bịch, phản cảm, giả tạo vốn quen được che đậy bởi lớp vỏ đạo mạo, hào nhoáng. Với quan niệm xem hiện thực như những “mảnh vỡ”, nhà văn đã tổ chức tiểu thuyết của mình trên cơ sở ghép dán chúng lại. Vì vậy, ngôn ngữ anh dùng sẽ không trơn tuột, bằng phẳng mà nhấp nhô, thô ráp, sần sùi theo kiểu: “Liên thanh. Súng máy. Ngôn ngữ chao chát tung tẩy. Ngôn ngữ ngôn ngôn sắc sỡ âm thực Đông Nam Á”; “Chiu chiu, tặc tặc như tiểu liên tặc cú một hồi là hiểu nhau”<sup>5</sup>.

Mỗi tiểu thuyết của Hồ Anh Thái đều là một tiếng nói, một thái độ nhìn đời và nhìn người thống nhất nhưng không đồng nhất. Những cái vớ vẩn, khôi hài, bất công, bạo ngược, tàn độc, quái gở,... được đề cập ở đây là một “liều thuốc đắng” góp phần ngăn chặn, đẩy lùi những chứng “bệnh

<sup>4</sup> Trần Đình Sử (2004). *Tự sự học*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.

<sup>5</sup> Hồ Anh Thái (2006). *Mười lẻ một đêm*, Nxb. Đà Nẵng.

thời đại", làm cho con người và cuộc sống trở nên tốt đẹp, nhân hậu hơn. Người viết, bằng thứ ngôn ngữ đời thường với tất cả vẻ xù xì, góc cạnh và không khỏi có phần "nghịch nhĩ", đã đánh thức lương tâm, trách nhiệm làm người ở độc giả. Không bị ràng buộc vào thái độ thành kính chiêm ngưỡng nguyên mẫu, không đặt ra mục tiêu khắc chạm biểu tượng, ngôn ngữ tiểu thuyết của nhà văn này đã giản lược rất nhiều về sang cả, ngân nga, rào đón để gần gũi với đời thường, thẳng thắn trong cách định tính, định danh, suồng sã trong giọng điệu, linh hoạt, gân guốc hơn trong cú pháp...

Nhiều khi người viết cũng đưa nguyên xi khẩu ngữ, tiếng lóng vào trang sách mà không cần gọt giũa, làm màu. Sự xuất hiện với liều lượng vừa phải của mảng ngôn ngữ này đã trở thành phương tiện đặc lực để tác giả "giải mã" cuộc sống. Chủ trương đưa ngôn ngữ thông tục vào tác phẩm vừa thể hiện tính dân chủ trong sáng tạo nghệ thuật, vừa khẳng định cá tính của nhà văn trong việc tái hiện một thế giới gần gũi với con người chứ không phải một cõi siêu thực để người ta ngưỡng vọng mà mặc cảm, bất lực. Điều này còn như một dự báo, cảnh tỉnh cho "cõi người" hôm nay trước những axit độc hại làm băng hoại nhân tính, phá hủy không ít những nền tảng đạo lý, những giá trị của văn hóa truyền thống.

## 2.2. Ngôn ngữ giàu chất thơ và khát vọng hoàn thiện con người, xã hội

Là người tích cực cổ súy cho khuynh hướng đa phong cách, đa giọng điệu của văn học đương đại, Hồ Anh Thái rất dị ứng với sự lặp lại người khác và lặp lại chính mình. Với anh, "tiểu thuyết như một giấc mơ dài, gấp sách lại người ta vừa mừng rơn như vừa thoát khỏi một cơn ác mộng, lại vừa tiếc nuối vì phải chia tay với những điều mà đời thực không có. Nếu tôi chỉ dùng một phương pháp hiện thực thuần túy thì sẽ không có giấc mơ ấy đâu"<sup>6</sup>. Như minh chứng cho quan niệm này, hầu hết các tiểu thuyết của anh đều xuất hiện yếu tố kì ảo. Chính ở cái thế giới lung linh ảo thực ấy, tiếng nói chân thành của nhà văn có dịp cất lên. Ngôn ngữ đầy chất thơ trở thành phương tiện hữu hiệu để khám phá cái hiện thực tâm linh "bất khả tri" đó và là chất men xúc tác cho những cảm xúc thăng hoa.

Sự chi phối và thể hiện của tư duy thơ trong văn xuôi Hồ Anh Thái nói chung, tiểu thuyết nói riêng thường được hiển thị trên các phương diện chính: 1) Thiên hướng kiến tạo nhịp điệu bằng nguyên lí "lặp lại" của thơ (nhịp điệu của ám ảnh tội ác và trừng phạt trong *Cõi người rung chuông tận thế*, của cuộc sống trục lợi, xô bồ trong *Mười lẻ một đêm*, của những nỗ lực mưu cầu hạnh phúc trong *Đức Phật nàng Savitri và tôi*, những hoài vọng trên đường hành hương về quá khứ *Trong sương hồng hiện ra*); sự trùng điệp trong cấu trúc câu (liệt kê, sóng đôi, đối ngẫu, lặp

<sup>6</sup> Hồ Anh Thái (2004). *Cõi người rung chuông tận thế*, Nxb. Đà Nẵng.

thành phần...); 2) Hiện tượng "lạ hóa" được dùng phổ biến thông qua các mô típ (quả báo, lời nguyện, tội ác và trừng phạt, người chết đi sống lại,...) và hình tượng (ánh trăng, tiếng chuông báo ngày tận thế, nữ đồng trinh trong vai trò của thiên sứ cứu rỗi, con tàu tương lai ẩn hiện giữa màn sương huyền ảo, đức Phật và người đẹp, phòng tiệc và những căn hộ cao cấp - biểu trưng của lối sống hiện đại,...); 3) Hiện thực của những hoài niệm, tiếc nuối và suy cảm thường được diễn đạt qua kỹ thuật dòng ý thức, ám ảnh trong *Người đàn bà trên đảo, Trong sương hồng hiện ra...* khiến tư tưởng chủ đạo của tác phẩm xuất hiện dưới "bề trầm", gắn liền với nhu cầu tự bộc lộ, với khát vọng tự kiểm tìm mình của con người cũng là một đặc tính quan trọng của thơ<sup>7</sup>.

Nếu ngôn ngữ suông sã đời thường có thể gây sốc khi nói đến cuộc sống trụy lạc, trác táng, lấy tiêu thụ, hưởng lạc làm chính của những chàng quý tử "nhà mặt phố, bố làm quan" hoặc những biến thái của giới công chức, văn nghệ sĩ trước sự xâm thực của xã hội công nghiệp hiện đại thì cái thế giới ảo trong *Cõi người rung chuông tận thế*, nơi chứa đựng những ước mơ của nhà văn về cuộc sống, lại được truyền tải tới bạn đọc bằng một ngôn ngữ đẹp, nhẹ nhàng và sâu lắng. Những trang viết về rừng núi Trường Sơn, về các nữ thanh niên xung phong, về tình chị em, tình yêu đôi lứa trong chiến tranh đều chan chứa tình thương, đều rất thơ, rất trữ tình, có sức lay động mạnh hứng thú thẩm mỹ của người đọc. Có thể nói, cách dụng ngôn theo kiểu "đi với bụi mặc áo cà sa, đi với ma mặc áo giấy" đã tạo ra phong cách riêng, vừa quen vừa lạ của nhà văn.

Hiệu quả nghệ thuật của ngôn ngữ giàu chất thơ cũng phát huy tới hạn ở tiểu thuyết *Trong sương hồng hiện ra*. Cùng khai thác đề tài chiến tranh, nhưng khác hẳn ngôn ngữ sử thi dài dòng, ngôn ngữ của truyện này dẫu đậm chất trữ tình mà vẫn ngắn gọn, cô đọng, súc tích. Nhan đề cuốn sách cũng chính là cái tứ thơ để triển khai toàn bộ tác phẩm: "Một làn sương hồng từ từ kéo ngang qua mặt sông, che khuất dần cảnh vật. Bắt đầu là hòn cù lao xanh mướt, ngô non nổi trên mặt sông khi mùa cạn, sau đó là ngọn cau và tháp thoáng chuông nhà thờ bên kia sông cũng mờ dần và biến mất. Sương hồng phủ lên bãi cát phẳng lặng lúc tinh mơ, chưa có một dấu chân nào tận nhãn dày lên"; "Có lúc con người rơi vào trạng thái ngẩn ngơ, thơ thần trong tỉnh không, chìm đắm trong một màn sương dịu nhẹ, bông bênh, thấy mọi chuyện ở đời cứ diễn ra trước mắt như một cuốn phim, khi thì nhoè nhạt, lúc lại rõ tiếng rõ lời". Kết thúc tác phẩm, màn sương hồng lại hiện lên: "Con tàu TƯƠNG LAI một

<sup>7</sup> Nguyễn Thị Bình (2008). *Tư duy thơ trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại*, Tạp chí *Nghiên cứu Văn học*, số 5, trang 41 - 49.

lần nữa đổ lại ở bến xe điện bên kia đường. Tân nhanh chóng đi ngang qua đường vừa kịp nhảy lên đúng lúc tàu chuyển bánh. Một màn sương màu hồng kéo qua, che lấp tất cả cánh sắc rực rỡ của mùa thu... Màn sương hồng lãng đãng tan dần..."<sup>8</sup>. Sự chất chứa của hình tượng, dồn nén của cảm xúc qua hàng loạt từ láy: ngân nga, thơ thân, bông bênh, nhòe nhạt, lãng đãng, thấp thoáng, rực rỡ... đã chắp cánh cho những câu văn thấm đẫm chất thơ.

Không vốn vã ồn ào, không phô trương, không đao to búa lớn, ngôn ngữ giàu chất thơ trong tiểu thuyết của Hồ Anh Thái luôn dung dị, nhỏ nhẹ, duyên dáng. Giống như một ảo thuật gia ngôn từ, nhà văn đã thổi hồn, phục trang lại cho những từ ngữ có vẻ nhạt nhẽo từ kho từ vựng tiếng Việt, tạo ra thứ ngôn ngữ thuần hậu phương Đông của riêng mình - một kiểu ngôn ngữ có khả năng kiến tạo những khoảng lặng trong tâm hồn người đọc để trí tưởng tượng, cảm xúc thăng hoa đến khôn cùng: "Cánh cửa tâm hồn Toàn đóng chặt, và bị nhốt trong đó, tâm hồn anh cứ quây, đòi hỏi hoạt động, đòi hỏi trút bỏ những điều dồn nén. Thế là trái tim cất lời thành thơ, trong cái lồng ngực giam cầm nó. Nội ra được, Toàn lại có nhu cầu có được người để nghe, chia sẻ". Mỗi lần đạp xe dưới trăng, Toàn như rơi vào một thế giới khác. Trong cái thế giới ấy, tâm hồn anh được thanh lọc mọi bụi bặm của đời thường xô bồ, xảo trá. Anh thả mình trôi đi cùng ánh trăng, bỏ lại sau lưng mọi lo âu toan tính. Con người và thiên nhiên hòa làm một trong khoảng không vô trùng lại láng một dòng trăng. Việc chuyển điểm nhìn từ cao xuống thấp, xa tới gần, người đến vật khiến truyện giống như một giấc mơ, một thế giới của cái đẹp không lời, một bài thơ với những nhịp mạnh của động từ "rây", "xối", đan cài những nhịp nhẹ "rải", "trôi", những trùng điệp của ánh trăng (9 câu văn có tới 7 từ trăng: ánh trăng, vàng trăng, trăng, đường trăng, đêm trăng, cỗ xe vàng), những day dứt của suy nghĩ, thôi thúc của ước mơ... tất cả đều vang vọng chất thơ không dứt.

Nếu ma lực của ngôn ngữ đời thường đẩy tác giả rơi vào "con ác mộng" trong "những điều trông thấy mà đau đớn lòng" thì ngôn ngữ đầy chất thơ lại tạo ra lực hút kéo anh ra khỏi con ác mộng ấy và đưa người viết cũng như người đọc chìm đắm trong một "giấc mơ" dài. Đó là giấc mơ về sự bình yên, về tình yêu, về cái thiện, cái tốt đẹp, thiên lương... Việc sử dụng ngôn ngữ văn xuôi có tính chất "thơ hóa" này như một cách làm nhòe đi, mờ đi ranh giới giữa thực và ảo. Sự gia tăng nhạc tính và hình tượng của nó giúp chúng ta cảm nhận về cuộc sống, về con người sâu sắc hơn, toàn diện hơn đồng thời có khả năng đưa độc giả vào thế giới của những cảm xúc, ấn tượng, suy tưởng mà ngôn ngữ thông thường ít khi đạt được. Phong cách ngôn ngữ này cũng cho thấy sự đa dạng của văn tài Hồ

<sup>8</sup> Hồ Anh Thái (2005). *Người đàn bà trên đảo & trong sương hồng hiện ra*, Nxb. Phụ Nữ, Hà Nội.

Anh Thái, tạo ra một chân ảnh hoàn toàn khác về anh: không phải là một “góa phụ” ngoa ngoắt với cái nhìn nanh nọc, tỉ mỉ, luẩn quẩn, sắc nhọn mà là một “cô gái đẹp” (Xuân Anh), một nữ “đồng trinh” trong trắng, ngây thơ với bao khát khao, mơ ước. Kế thừa, cách tân, phát triển ngôn ngữ sử thi giai đoạn trước, đồng thời là sự tiếp biến ngôn ngữ của thể loại trữ tình, ngôn ngữ đầy chất thơ trong tiểu thuyết Hồ Anh Thái đã phát huy được tối đa khả năng thanh lọc hoá tâm hồn cho người đọc.

### 2.3. Ngôn ngữ mới lạ về giọng điệu và nỗ lực bao quát toàn diện hiện thực

Giai đoạn 1945 - 1975, khuynh hướng sử thi hóa luôn chi phối mạnh mẽ hoạt động sáng tác của văn nghệ sĩ khiến ngôn ngữ văn học đôi khi rơi vào tình trạng nghèo nàn về giọng điệu, hay gặp vẫn là những kiểu “chủ âm” như hào sảng, trữ tình, ngợi ca, thông thiết... Nỗ lực kéo văn chương lại gần với cuộc sống khiến tiểu thuyết hôm nay có tính chất đa giọng điệu; ở đó, như nhận xét của Milan Kundera, có sự “bình đẳng giữa các giọng, không một giọng nào được lấn át, không một giọng nào được phép chỉ làm phân đệm đơn thuần”.

Khi sáng tác, Hồ Anh Thái luôn tạo được những tình huống “chẳng giống ai” mang chức năng của những nút nhấn để từ đó toàn cảnh hiện ra với tất cả đường nét và dáng vẻ xiêu xó tức cười. Nhà văn phát hiện rất nhanh nhạy cái lố bịch trong đời sống, khai thác đến cùng phương diện gây cười của nó để đưa vào tuyến vận động của cốt truyện. Châm biếm, mỉa mai, trào lộng, hài hước là những nhân tố tạo nên *sắc thái giễu nhại* trong tiểu thuyết của anh. Hầu như toàn bộ kinh nghiệm cọ xát của nhà văn với ngôn ngữ đời sống thực tế đều được huy động: lối nói nhại, nói lái, tiếng lóng... thường xuyên hiện diện với tất cả nồng độ bụi bặm phổ phùng. Sức phê phán của chúng vừa có tính phủ định, công phá mạnh mẽ đối với cái xấu xa, lỗi thời vừa có ý nghĩa khẳng định, xây mới. Dám nhìn thẳng vào những cái - hài - đời với đầy những trật khớp, vênh lệch của cuộc sống thời tiền và hậu Đổi mới rồi thể hiện nó bằng một thứ ngôn ngữ tương xứng để tự cười và chọc cười thiên hạ là một sự dũng cảm, một hướng đi gặp ghênh nhưng hữu dụng, cấp thiết; và chính phương diện này lại bộc lộ rõ sở trường, phong cách độc đáo Hồ Anh Thái. Không chỉ sử dụng tiếng cười như một vũ khí đặc lực để “tổng tiền quá khứ một cách vui vẻ”, người viết còn truyền cho người đọc dũng khí đối diện với những cái nhếch nhác, bệ rạc trong thực tế khách quan và ngay chính bản thân để tìm cách không chế, hoàn thiện.

Giọng giễu nhại gắn liền với việc tố cáo, đả kích, phủ định thói hư tật xấu của thể thái nhân tình giữa thời buổi những thang bậc giá trị đang thay đổi. Đó là sự luồn lách của đồng tiền trong cơ chế thị trường, những dục vọng vô độ trong sự đồng lõa của môi trường văn hóa xuống cấp, thói học đòi, khoe mẽ, những họa sĩ rơm đời, hoang tưởng, sống “cởi

mở" theo kiểu... chim đẽ ngoài quần hoặc chủ trương cái đức không thêm biết... sạch v.v... Không dừng ở đó, chất giọng giễu nhại dường như xót cay hơn khi người viết chạm đến thái độ, cung cách ứng xử của con người với môi trường: "Xử mình nhiệt đới mà công rãnh lộ thiên bên lê đường. Lúc nào cũng ướt át bốc mùi. Rác cũng ướt át theo. Tập vào lê đường là còn lịch sự. Rác trong nhà vứt toẹt ra giữa đường miễn là giữ được cái nhà mình sạch. Giấy ăn vỏ chanh vứt xuống gầm bàn miễn là giữ được cái mặt bàn sạch trước mắt mình. Chỗ nào đông người du lịch đồ đến là rác vứt đầy bãi biển đầy bờ suối hẻm núi"<sup>9</sup>. Xuất phát từ trách nhiệm công dân - nghệ sĩ, một hướng chủ công khác của tiếng cười là đã châm, vạch mặt những thủ đoạn dựa vào thị hiếu, nhu cầu của người dân, sự lỏng lẻo, thậm chí bất lực của cơ chế để trục lợi: "Hội chứng làm du lịch trên khắp đất nước. Tỉnh có một bãi lau sậy nghe đâu có huyền thoại cặp tình nhân yêu nhau đến đây xây lâu đài ngủ một đêm rồi được gọi về giới. Coi như thắng cảnh. Soạn ra tích in thành sách quảng bá du lịch. Huyện có một cái hồ bên chân núi. Coi như thắng cảnh. Lập dự án vay tiền ngân hàng làm du lịch. Thả xuống mấy cái thuyền đập nước hình con vịt, xây một cái nhà hàng bê tông bên bờ thế là xong. Địa phương nào cũng hô lên là có tiềm năng du lịch..."<sup>10</sup>. Giọng giễu nhại, bốn cột vì thế trở thành yếu tố thẩm mỹ nổi bật trong tiểu thuyết Hồ Anh Thái, một phương tiện sắc nhọn để mổ xẻ những ung nhọt, quái trạng của xã hội. Từ cuộc sống thường nhật của giới công chức, giới khoa học, văn nghệ sĩ đến lối sống buông thả của lớp thanh niên thừa tiền thiếu lí tưởng, các cô gái bán trôn nuôi miệng... tất cả đều bị anh lật tẩy qua chất giọng đặc biệt này.

Mặc dù không tránh khỏi đôi chỗ hơi thái quá, nhưng giọng giễu nhại với sự lên ngôi của cả một kho ngôn ngữ mang phong vị dân gian: giàu ẩn dụ và sức mạnh tả thực, không cần che đậy, đánh tráo bản chất của hiện tượng,... cho thấy tiếng cười trong văn xuôi Hồ Anh Thái nói chung, tiểu thuyết nói riêng, không lộ liễu, nghiêng về bản năng, dung tục chỉ để "thọc lét" độc giả chuông lạ mà chứa đầy ý vị, kín đáo, tinh tế, sâu sắc, bộc lộ rõ cái tâm và cái tâm của người viết - một điều mà không mấy người có thể sánh kịp. Sức cuốn hút của "thương hiệu" Hồ Anh Thái là ở đó.

Chỉ với một tình huống trớ trêu trong *Mười lẻ một đêm* - một người đàn ông và một người đàn bà bị nhốt trong căn hộ trên tầng 6 suốt mười một ngày đêm - mà cả một không gian xã hội rộng lớn đã mở ra, theo những trải nghiệm quá khứ của ba nhân vật tham gia tấn trò. Tất cả các câu chuyện đều được kể lại từ ngôi thứ ba số ít với sắc thái hoài nghi, tra

<sup>9</sup> Hồ Anh Thái (2006). *Mười lẻ một đêm*, Nxb. Đà Nẵng.

<sup>10</sup> Hồ Anh Thái (2006). *Mười lẻ một đêm*, Nxb. Đà Nẵng.

vấn trong điểm nhìn trần thuật. Giọng phát ngôn này luôn luôn bị đan cài, bị đánh lẫn vào giọng của các nhân vật đang được nói tới, nó tạo nên một hòa âm tung tưng rất Hồ Anh Thái giai đoạn gần đây: vừa thực hóa vừa hư hóa, vừa nghiêm khắc cảnh tỉnh vừa bồn chồn trào tếu, vừa bụi bặm, hàm hồ hiện đại vừa hóm hỉnh, chân chất dân gian, vừa tự tin vào mình vừa nhiều nghi hoặc đối với cuộc đời... Câu văn do vậy cũng ngắn gọn, dồn dập, hạn chế tối đa sự miêu tả, bình luận, khước từ lối văn mực thước, kiểu cách, vòng đón, đưa đẩy. Tính trào lộng, suông sã hết nước các sự kiện, các chi tiết được kể lại trong truyện là một cách tiếp xúc với thế giới không hoàn kết hôm nay; và chính bằng thái độ ấy, người viết mới có thể xóa bỏ mọi khoảng cách, “nấn gân bắt mạch” (chữ dùng của Hoài Nam) đối tượng một cách tỉ mỉ, chính xác, khách quan.

Giấu nhại nhưng không nhằm mục đích phủ định, hạ bệ, bác bỏ, thù tiêu mà là sự tái sinh, mở ra một lối mới, dân chủ hơn cho nhân vật hướng tới trong cuộc sống cũng như trong sáng tác văn chương. Mía mai, châm biếm như một chất keo gắn độc giả với tác phẩm, để họ hứng khởi bước vào thế giới tưởng tượng “tự nhiên như đời” của anh. Dòng vận động của cái thế giới ấy, dù có được tác giả kì dị hoá với đôi chút màu sắc ma quái, ngoa ngôn, vẫn là kết quả của một “nguyên nhân ngầm ẩn... của cái giống như sự thật” (Thomas Mann). Dẫu nói về cái ác, cái xấu nhưng xuất phát từ cảm hứng trào lộng, bằng thái độ thực sự cầu thị, tiểu thuyết của nhà văn này vẫn hướng mạnh về nhân thế, làm nảy mầm những hạt giống tốt đẹp đang ngủ vùi trong tâm hồn mỗi người. Tinh thần này vang lên thành hồi chuông cảnh tỉnh người đọc biết dĩ ứng với cái ác, nương tựa vào cái đẹp để cuộc đời trở nên dễ sống, đáng sống hơn.

Thời mở cửa, cuộc sống phơi bày tất cả những gì làm nên khuôn mặt thật của nó: ánh sáng đan cài cùng bóng tối, cái ác song hành cùng cái thiện, hạnh phúc sánh đôi cùng nỗi đau... Đi bên cạnh những người sớm tiêm nhiễm cơn gió độc của thời đại, những mảng “tranh tối tranh sáng” của cuộc sống thực dụng, gấp gáp, đầy toan tính, vụ lợi, Hồ Anh Thái dành tâm huyết để viết về những thân phận chìm nổi giữa dòng đời hỗn tạp, những vẻ đẹp xưa đang bị dòng xoáy hiện đại làm xói lở. Đó là lí do cần nghĩa cho sự xuất hiện một kiểu giọng điệu ngỗ mãu thuận nhưng hoàn toàn thống nhất trong tiểu thuyết tác giả này: *Giọng quan hoài da diết trước cõi đời, cõi người*.

Chiến tranh đã qua lâu, song những tổn thương mà nó gây ra vẫn chưa lên da non. Nỗi đau vẫn còn đeo bám, hành hạ những người trở về sau cuộc chiến; dù với họ, quá khứ ấy vẫn luôn cao đẹp, hào hùng. Bằng giọng thương cảm, Hồ Anh Thái đã thể hiện chân thực một phương diện khác của chiến tranh gắn liền với kiểu con người cô đơn trong *Người đàn bà trên đảo*. Giọng điệu này đạt hiệu quả nghệ thuật cao hơn khi chạm

đến những vấn đề muôn thuở của "kiếp người đi qua": đó là những khắc khoải, buồn vui, những đồ vỡ bất hạnh, khô đau hay sung sướng trong vòng quay số phận (*Cõi người rung chuông tận thế*), những xáo trộn tình cảm trên hành trình mưu cầu hạnh phúc và lẽ sống (*Người và xe chạy dưới ánh trăng*), là sự u hoài, nuối tiếc những giá trị tốt đẹp bị huỷ diệt bởi thời gian (*Trong sương hồng hiện ra*), là những xót xa, chua chát, hằng hụt khi đối diện với những tấn trò đời của xã hội hiện đại (*Mười lẻ một đêm*), là niềm tin mạnh mẽ ở sự cứu rỗi của tình yêu, khát vọng sống đầy nhân bản của con người (*Đức Phật, nàng Savitri và tôi*)...

Trong *Cõi người rung chuông tận thế*, bên cạnh ba cái chết được xem như “quả báo” của ba thanh niên Bóp, Phũ, Cốc, cái chết của cô Giềng - một trong hai cô gái Trương Sơn đã nuôi Mai Trùng khôn lớn - lại chứa đầy bất công, oan ức: Vì muốn moi tiền bệnh nhân mà vị bác sĩ đã cố tình chẩn đoán đau ruột thừa thành viêm túi mật. Lời nói của cậu bé 12 tuổi đã sớm mồ côi cả cha lẫn mẹ trĩu nặng nỗi đau và sự bất lực trước số phận: “Mạ cháu chỉ bị ruột thừa, có tiền thì mạ cháu không chết”. Còn măng sữa, đứa bé ấy phải gánh một trách nhiệm nặng nề: “Bị buộc trở thành chủ gia đình. Nó còn hai đứa em thiếu ăn, thiếu học. Nó không được quyền ngồi im tự hỏi, phải làm gì đây? Nó chỉ được phép đứng lên ngay lập tức, hùng hục lao vào dòng đời để kiếm ăn từng bữa cho cả nhà”. Những dòng văn như vậy luôn gây cảm giác tái tê, đắng nghẹn cho độc giả khi đối diện với những bi kịch nhân sinh, nhìn rõ sự giãy chết của lương tâm và tình người trước sự khuyh đảo trắng trợn của đồng tiền.

Có lẽ vì thế, bên cạnh những câu văn trung tính, sắc lạnh luôn tiềm ẩn một năng lượng làm bùng vỡ tiếng cười, tiểu thuyết Hồ Anh Thái còn man mác cảm giác tái tê song hành với nỗi buồn đau lặng ngấm. Ai cũng phải xót xa trước sự cô đơn và khao khát hạnh phúc của một cô gái bị người đời bỏ rơi trên đảo đã lâu trong *Cõi người rung chuông tận thế*. Bằng giọng kể chan chứa yêu thương, người trần thuật trong *Người và xe chạy dưới ánh trăng* khiến bạn đọc nhói lòng trước ý nghĩ mẹ sẽ tái sinh như cô Tấm bước ra từ quả thị của cu Đức. Bao nhiêu niềm tin, hi vọng nhà văn gom góp lại và mời từ trong Kinh thánh ra một nữ đồng trinh Mai Trùng - sứ giả trong tương lai sẽ gánh trọng trách trừng phạt cái ác để cứu rỗi cái đẹp. Dẫu viết về những mất mát của chiến tranh - một mảng đề tài văn học trước Đổi mới khá e dè - nhưng truyện của tác giả thường ít có cảm hứng bi lụy, sám hối, phủ định; bao trùm lên những sáng tác ấy vẫn là sự nhân hậu, minh triết. Sự lắng đọng của câu chữ trước những bề dâu của số phận, nhân tình góp phần tạo ra độ ngân vọng cần thiết cho những giá trị nhân văn sâu sắc của tác phẩm. Cùng với giọng giễu nhại, sự lên ngôi của kiểu giọng này cũng là yếu tố tạo nên chất văn xuôi và tính dân chủ, hiện đại của tiểu thuyết hôm nay.

Như thế, sự đa giọng điệu trong tiểu thuyết Hồ Anh Thái đã có "cái lí" và "chiều sâu" của nó như chính anh bộc bạch: "Hiện thực và không gian nghệ thuật của mỗi cuốn sách đòi hỏi một cách xử lý riêng, một *giọng điệu riêng*, văn phong riêng... Tôi cho rằng người có phong cách chính là không khur khur bám lấy một phong cách cô định, bất biến. Có phong cách tức là phải đa giọng điệu. Cho rằng thay đổi giọng điệu sẽ làm loãng phong cách của mình là một cách hiểu đơn giản và làm cho người sáng tạo lười biếng, ngại làm mới mình"<sup>11</sup>. Trước một hiện thực đa đoan, giữ nguyên một chất giọng sẽ có cơ làm thui chột những cảm hứng mới nảy sinh và thu hẹp khả năng tưởng tượng, sáng tạo của nhà văn. Sự linh hoạt, phong phú của giọng điệu trần thuật là nhu cầu tự nhiên, tất yếu để người viết tự làm mới mình, thể hiện nỗ lực cách tân ngôn ngữ văn xuôi đương đại so với giai đoạn trước.

3. Nếu tính văn chương của một tác phẩm, một giai đoạn văn nghệ trước hết nằm ở chất liệu thì những đặc trưng trong ngôn từ nghệ thuật của tiểu thuyết Hồ Anh Thái đã phần nào cho thấy điều ấy. Với ý thức làm mới văn học, bằng tài năng và sức sáng tạo của mình, tác giả đã tạo ra một lớp ngôn ngữ thật sự độc đáo, có thể tái hiện một cách chân thực, không giản lược toàn bộ đời sống tâm hồn, trí tuệ của con người đồng thời góp phần thay đổi quan niệm về thi pháp của loại hình tiểu thuyết sau 1986, đổi mới kinh nghiệm đọc của độc giả, đưa văn xuôi đương đại Việt Nam nhìn ra thế giới. Bằng ma lực của con chữ cùng nỗ lực tìm tòi những hình thức biểu đạt nhằm lạ hoá phương thức trần thuật, mỗi tiểu thuyết của anh là một lần người đọc được dịp trải nghiệm qua một không gian mới, một quan niệm sống mới, thoát khỏi cái quen nhàm thường gặp. Đây là một minh chứng cho khát vọng thử nghiệm và không ngừng khám phá những tiềm năng thể loại nhằm tạo ra sự chuyển đổi theo hướng tích cực, hiện đại, nhân bản trong bản chất và sứ mệnh của tiểu thuyết ở đội ngũ sáng tác hôm nay.

#### Tài liệu tham khảo

1. Hồ Anh Thái (2004). *Cõi người rung chuông tận thế*. Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng.
2. Hồ Anh Thái (2005). *Người và xe chạy dưới ánh trăng*. Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.
3. Trần Đình Sử (chủ biên) (2004). *Tự sự học*. Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.
4. Hồ Anh Thái (2006). *Mười le một đêm*. Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng.
5. Nguyễn Thị Bình (2008). *Tư duy thơ trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại*. Tạp chí *Nghiên cứu Văn học*, Số 5, trang 41 - 49.
6. Hồ Anh Thái (2005). *Người đàn bà trên đảo & Trong sương hồng hiện ra*. Nxb. Phụ Nữ, Hà Nội.
7. Nguyễn Khải (1996). *Phía khuất mặt người*, Tạp chí *Văn nghệ* số 45.

<sup>11</sup> Hồ Anh Thái (2004). *Cõi người rung chuông tận thế*. Nxb. Đà Nẵng.